|  |  |
| --- | --- |
| UBND QUẬN SƠN TRÀ**TRƯỜNG THCS LÝ TỰ TRỌNG** | **NỘI DUNG KIẾN THỨC MÔN VẬT LÝ 6** |
| Họ và tên HS: ............................................ | Lớp 6/.... |

TUẦN: 21

TIẾT: 20

BÀI 16: RÒNG RỌC

I. NỘI DUNG KIẾN THỨC BÀI HỌC

1. Cấu tạo của ròng rọc :

Có hai loại ròng rọc:

Ròng rọc cố định là một bánh xe có rãnh để vắt dây qua, trục của bánh xe được mắc cố định ( có móc treo trên xà ).Khi kéo dây, bánh xe quay quanh trục cố định. (Hình 16.2a)

Ròng rọc động là một bánh xe có rãnh để vắt qua dây, trục của bánh xe không được mắc cố định. Khi kéo dây, bánh xe vừa quay vừa chuyển động cùng với trục của nó. (Hình 16.2b)

2. Tác dụng của ròng rọc:

- Ròng rọc cố định giúp làm thay đổi hướng của lực kéo so với khi kéo trực tiếp.

- Ròng rọc động giúp làm lực kéo vật lên nhỏ hơn trọng lượng của vật.

II. BÀI TẬP

1. Bài tập vận dụng sách giáo khoa:

*C5/sgk trang 52*: Ví dụ về sử dụng ròng rọc:

-Dùng trong xây dựng, ở đỉnh trụ cờ, xe cần cẩu…

*C6/sgk trang 52*: Dùng ròng rọc cố định giúp làm thay đổi hướng của lực kéo so với khi kéo trực tiếp (được lợi về hướng) dùng ròng rọc động được lợi về lực.

*C7/ sgk trang 52*: Sử dụng hệ thống gồm cả ròng rọc cố định và ròng rọc động thì có lợi hơn vì vừa lợi về lực, vừa lợi về hướng của lực kéo.

..................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................... ............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

2. Dặn dò :

-Làm bài tập 16.1,16.2,16.3,16.11,16.12,16.13/SBT

-Học bài phần ghi nhớ

-Xem trước bài 17: Tổng kết chương I

III. TRAO ĐỔI, PHẢN HỒI VỀ KIẾN THỨC BÀI HỌC CỦA HỌC SINH

.................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

|  |  |
| --- | --- |
| UBND QUẬN SƠN TRÀ**TRƯỜNG THCS LÝ TỰ TRỌNG** | **NỘI DUNG KIẾN THỨC MÔN VẬT LÝ 6** |
| Họ và tên HS: .............................................. | Lớp 6/.... |

TUẦN: 22

TIẾT: 21 BÀI 17: TỔNG KẾT CHƯƠNG I: CƠ HỌC

I. NỘI DUNG KIẾN THỨC BÀI HỌC

Ôn lại các câu hỏi lý thuyết :

*1.* Dụng cụ dùng để đo: - Độ dài: Thước

 - Thể tích: Bình chia độ, ca đong

 - Lực : Lực kế

 - Khối lượng: Cân

*2*. Tác dụng đẩy, kéo của vật này lên vật khác gọi là lực

*3*. Lực tác dụng lên vật có thể gây ra những kết quả là làm vật bị biến dạng hoặc làm biến đổi chuyển động của vật. Hai kết quả này có thể cùng xảy ra.

*4*. Nếu chỉ có hai lực tác dụng vào một vật đang đứng yên mà vật vẫn đứng yên thì hai lực đó gọi là hai lực cân bằng.

*5*. Lực hút của Trái đất lên các vật gọi là trọng lực.

*6*. Dùng tay ép hai đầu một lò xo bút bi lại, lực mà lò xo tác dụng lên tay gọi là lực đàn hồi.

*7*.Trên vỏ hộp kem giặt VISO có ghi 1kg. Số đó chỉ khối lượng của kem giặt trong hộp.

*8*. Hãy tìm từ thích hợp điền vào chỗ trống: 7800kg/m3 là khối lượng riêng của sắt.

*9*. Điền từ thích hợp vào chỗ trống.

Đơn vị đo độ dài là mét, kí hiệu là m.

Đơn vị đo thể tích là mét khối, kí hiệu là m3.

Đơn vị đo lực là Niu tơn, kí hiệu là N.

Đơnvị đo khối lượng là kílôgam, kí hiệu là kg

Đơn vị đo khối lượng riêng là kí lô gam trên mét khối, kí hiệu là kg/m3.

*10*. Viết công thức liên hệ giữa trọng lượng và khối lượng của cùng một vật. P = 10.m

*11*. Viết công thức tính khối lượng riêng theo khối lượng và thể tích. 

*12*. Ba loại máy cơ đơn giản đã học: Mặt phẳng nghiêng, ròng rọc, đòn bẩy.

*13*. Nêu tên máy cơ đơn giản dùng trong công việc sau:

–Kéo một thùng bê tông lên cao để đổ trần nhà: Ròng rọc

– Đưa một thùng phuy nặng từ mặt đường lên sàn xe tải: Mặt phẳng nghiêng

– Cái chắn ô tô tại những điểm bán vé trên đường cao tốc: Đòn bẩy

II. BÀI TẬP

1. Bài tập vận dụng sách giáo khoa:

*Bài 1/sgk trang 54*:

- Con trâu tác dụng lực kéo lên cái cày.

- Người thủ môn bóng đá tác dụng lực đẩy lên quả bóng đá.

- Chiếc kìm nhổ đinh tác dụng lực kéo lên các đinh.

- Thanh nam châm tác dụng lực hút lên miếng sắt.

- Chiếc vợt bóng bàn tác dụng lực đẩy lên quả bóng bàn.

*Bài 2 /sgk trang 54*: C

*Bài 3/sgk trang 54*: B

*Bài 4 /sgk trang 55*:

a. Khối lượng của đồng là 8.900 kg trên mét khối.

b. Trọng lượng của một con chó là 70 niutơn

c. Khối lượng của một bao gạo là 50 kílôgam

d. Trọng lượng riêng của dầu ăn là 8000 niu tơn trên mét khối.

e. Thể tích nước trong bể là 3 mét khối.

*Bài 5 /sgk trang 55*:

a. Mặt phẳng nghiêng.

b. Ròng rọc cố định.

c. Đòn bẩy.

d. Ròng rọc động.

*Bài 6 /sgk trang 55*:

a)Để làm cho lực mà lưỡi kéo tác dụng vào tấm kim loại lớn hơn lực mà tay ta tác dụng vào tay cầm.

b)Vì để cắt giấy, cắt tóc thì chỉ cần có lực nhỏ. Tuy lưỡi kéo dài hơn tay cầm mà lực của tay ta vẫn có thể cắt được. Bù lại ta được lợi là tay ta di chuyển ít mà tạo ra được vết cắt dài theo tờ giấy.

............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

..................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

..................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

......................................................................................................................................................................................................................................................................................

2. Dặn dò : -Hoàn thành các câu trả lời vào vở

-Xem trước bài 18+19+20: Sự nở vì nhiệt của chất rắn , chất lỏng , chất khí.

III. TRAO ĐỔI, PHẢN HỒI VỀ KIẾN THỨC BÀI HỌC CỦA HỌC SINH

............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

|  |  |
| --- | --- |
| UBND QUẬN SƠN TRÀ**TRƯỜNG THCS LÝ TỰ TRỌNG** | **NỘI DUNG KIẾN THỨC MÔN VẬT LÝ 6** |
| Họ và tên HS: .............................................. | Lớp 6/.... |

TUẦN: 23

TIẾT: 22

BÀI 18+19+20: SỰ NỞ VÌ NHIỆT CỦA CHẤT RẮN, CHẤT LỎNG, CHẤT KHÍ

I.NỘI DUNG KIẾN THỨC BÀI HỌC

- Các chất rắn , lỏng , khí nở ra khi nóng lên , co lại khi lạnh đi

- Các chất rắn , chất lỏng khác nhau nở vì nhiệt khác nhau. Các chất khí khác nhau nở vì nhiệt giống nhau.

- Chất khí nở vì nhiệt nhiều hơn chất lỏng, chất lỏng nở vì nhiệt nhiều hơn chất rắn.

II. BÀI TẬP

1.Bài tập vận dụng sách giáo khoa:

*C6/sgk trang 59*: Nung nóng vòng kim loại.

*C7/sgk trang 59*: Vào mùa hè, nhiệt độ tăng lên, thép nở ra, nên thép dài ra (tháp cao lên )

*C5/sgk trang 61*: Vì khi bị đun nóng, nước trong ấm nở ra và tràn ra ngoài.

*C6/sgk trang 61*: Vì chất lỏng trong chai nở ra vì nhiệt bị nắp chai cản trở gây ra lực lớn đẩy nắp chai bật ra.

*C7/sgk trang 63*: Khi cho quả bóng bàn bị bẹp vào nước nóng, không khí trong quả bóng bị nóng lên nở ra làm cho quả bóng phồng lên như cũ.

..................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

..................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

2. Dặn dò :

-Làm bài tập 18.1-18.5,,19.1-19.3, 20.1-20.4/ SBT

-Học bài phần ghi nhớ bài 18+19+20

-Xem trước bài 21: Một số ứng dụng của sự nở vì nhiệt

III. TRAO ĐỔI, PHẢN HỒI VỀ KIẾN THỨC BÀI HỌC CỦA HỌC SINH

.................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

|  |  |
| --- | --- |
| UBND QUẬN SƠN TRÀ**TRƯỜNG THCS LÝ TỰ TRỌNG** | **NỘI DUNG KIẾN THỨC MÔN VẬT LÝ 6** |
| Họ và tên HS: .............................................. | Lớp 6/......  |

TUẦN: 24

TIẾT: 23

BÀI 21: MỘT SỐ ỨNG DỤNG CỦA SỰ NỞ VÌ NHIỆT

I.NỘI DUNG KIẾN THỨC BÀI HỌC

1.Lực xuất hiện trong sự co dãn vì nhiệt:

Sự co dãn vì nhiệt khi bị ngăn cản có thể gây ra những lực rất lớn.

2.Băng kép:

a) Cấu tạo : Hai thanh kim loại có bản chất khác nhau thí dụ đồng và thép được tán chặt với nhau dọc theo chiều dài của thanh tạo thành một băng kép.

b)Tính chất:Băng kép khi bị đốt nóng hoặc làm lạnh đều cong lại.

c)Người ta ứng dụng tính chất này của băng kép vào việc đóng ngắt tự động mạch điện.

II. BÀI TẬP

1.Bài tập vận dụng sách giáo khoa:

*C5/sgk trang 66*: Có để một khe hở, khi trời nóng đường ray dài ra. Do đó, nếu không để khe hở, sự nở vì nhiệt của đường ray sẽ bị ngăn cản, gây ra lực rất lớn làm cong đường ray.

*C6/sgk trang 66*: Không giống nhau, một đầu được đặt gối lên các con lăn tạo điều kiện cho cầu dài ra khi nóng lên mà không bị ngăn cản.

..................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

..................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

...........................................................................................................................................

2. Dặn dò :

-Làm bài tập: C10/sgk trang 67, 21.1-21.3/ SBT

-Học bài phần ghi nhớ

-Xem trước bài 22: Nhiệt kế - Nhiệt giai

III. TRAO ĐỔI, PHẢN HỒI VỀ KIẾN THỨC BÀI HỌC CỦA HỌC SINH

............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

|  |  |
| --- | --- |
| UBND QUẬN SƠN TRÀ**TRƯỜNG THCS LÝ TỰ TRỌNG** | **NỘI DUNG KIẾN THỨC MÔN VẬT LÝ 6** |
| Họ và tên HS: .............................................. | Lớp 6/.... |

TUẦN: 25

TIẾT: 24 BÀI 22: NHIỆT KẾ - NHIỆT GIAI

I.NỘI DUNG KIẾN THỨC BÀI HỌC

1.Nhiệt kế:

- Nhiệt kế là dụng cụ dùng để đo nhiệt độ

- Nhiệt kế thường dùng hoạt động dựa trên hiện tượng dãn nở vì nhiệt của các chất.

- Có nhiều loại nhiệt kế khác nhau như:

 +) Nhiệt kế rượu: Đo nhiệt độ khí quyển

+) Nhiệt kế thủy ngân: Đo nhiệt độ trong phòng thí nghiệm.

+) Nhiệt kế y tế : Đo nhiệt độ cơ thể

2.Thang nhiệt độ:

- Trong thang nhiệt độ Xen xiut nhiệt độ nước đá đang tan là 00C và của hơi nước đang sôi là 1000C.

- Trong thang nhiệt độ Farenhai nhiệt độ nước đá đang tan là 320F và của hơi nước đang sôi là 2120F.

II. BÀI TẬP

1.Bài tập vận dụng sách giáo khoa:

*C4/sgk trang 69*: Ống quản ở gần bầu đựng thủy ngân có một chỗ thắt, có tác dụng ngăn không cho thủy ngân tụt xuống bầu khi đưa nhiệt kế ra khỏi cơ thể. Nhờ đó có thể đọc được nhiệt độ của cơ thể.

..................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

..................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

...........................................................................................................................................

2. Dặn dò :

-Làm bài tập 22.1, 22.2, 22.3/ SBT

-Học bài phần ghi nhớ

-Ôn lại các bài đã học từ học kỳ 2 để tiết sau ôn tập.

III. TRAO ĐỔI, PHẢN HỒI VỀ KIẾN THỨC BÀI HỌC CỦA HỌC SINH

............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

|  |  |
| --- | --- |
| UBND QUẬN SƠN TRÀ**TRƯỜNG THCS LÝ TỰ TRỌNG** | **NỘI DUNG KIẾN THỨC MÔN VẬT LÝ 6** |
| Họ và tên HS: .............................................. | Lớp 6/... |

TUẦN: 26

TIẾT: 25

BÀI : ÔN TẬP

I.NỘI DUNG KIẾN THỨC BÀI HỌC

Trả lời các câu hỏi sau:

1.Có mấy loại ròng rọc ? Nêu tác dụng của từng loại

2.Nêu kết luận sự nở vì nhiệt của chất rắn, lỏng , khí . So sánh sự nở vì nhiệt của các chất.

3. Khi bị co dãn vì nhiệt nếu bị ngăn cản sẽ như thế nào ?

4. Nêu cấu tạo , tính chất , ứng dụng của băng kép.

5. Nhiệt kế là gì ? Kể tên và nêu công dụng các loại nhiệt kế mà em đã học

6. Trong thang nhiệt độ Xen xiut và Farenhai nhiệt độ nước đá đang tan và hơi nước đang sôi là bao nhiêu độ ?

II. BÀI TẬP

Bài 1 : Tại sao chỗ tiếp nối hai đầu thanh ray xe lửa có một khe hở

Bài 2 : Tại sao một đầu cầu thép phải đặt trên các con lăn.

Bài 3 : Cho hệ thống ròng rọc như hình vẽ :

|  |
| --- |
| **2****1****P****F** |

a)Hãy chỉ ra ròng rọc nào là ròng rọc cố định, ròng rọc động. Nêu tác dụng của từng loại ròng rọc

b)Dùng hệ thống ròng rọc trên để đưa một vật nặng có trọng lượng P = 600N lên cao thì lực kéo F phải có cường độ là bao nhiêu?

..................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

.................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

\*Dặn dò:-Học bài từ tiết 19- tiết 26 để tiết 27 kiểm tra 1 tiết.

III. TRAO ĐỔI, PHẢN HỒI VỀ KIẾN THỨC BÀI HỌC CỦA HỌC SINH

.................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

|  |  |
| --- | --- |
| UBND QUẬN SƠN TRÀ**TRƯỜNG THCS LÝ TỰ TRỌNG** | **NỘI DUNG KIẾN THỨC MÔN VẬT LÝ 6** |
| Họ và tên HS: .............................................. | Lớp 6/......  |

TUẦN: 27

TIẾT: 26 BÀI : KIỂM TRA MỘT TIẾT

TUẦN: 28

TIẾT: 27 BÀI 24+25: SỰ NÓNG CHẢY VÀ SỰ ĐÔNG ĐẶC

I.NỘI DUNG KIẾN THỨC BÀI HỌC

- Sự chuyển từ thể rắn sang thể lỏng gọi là sự nóng chảy .Sự chuyển từ thể lỏng sang thể rắn gọi là sự đông đặc.

- Phần lớn các chất nóng chảy (hay đông đặc) ở một nhiệt độ xác định. Nhiệt độ đó gọi là nhiệt độ nóng chảy. Nhiệt độ nóng chảy của các chất khác nhau thì khác nhau .

- Trong thời gian nóng chảy (hay đông đặc) nhiệt độ của vật không thay đổi.

II. BÀI TẬP

1.Bài tập vận dụng sách giáo khoa:

C5/sgk trang 78: Nước đá.

Từ phút 0 đến phút thứ 1 nhiệt độ của nước đá tăng dần từ -40C đến 00C

Từ phút 1 đến phút thứ 4 nước đá nóng chảy nhiệt độ không thay đổi

Từ phút 4 đến phút thứ 7 nhiệt độ của nước tăng dần .

*C6/sgk trang79*: Đồng nóng chảy, từ thể rắn sang thể lỏng khi nung trong lò đúc. Đồng lỏng đông đặc từ thể lỏng sang thể rắn khi nguội trong khuôn đúc.

C7/sgk trang79: Vì nhiệt độ này là xác định và không đổi trong quá trình nước đá đang tan.

............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................ ............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................ ............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................ ......................................................................................................................................................................................................................................................................................

2.Dặn dò :

- Học bài phần ghi nhớ

- Làm bài tập :24-25.1,24-25.2,24-25.3/SBT

-Xem trước bài 26+27: Sự bay hơi và sự ngưng tụ

III. TRAO ĐỔI, PHẢN HỒI VỀ KIẾN THỨC BÀI HỌC CỦA HỌC SINH

............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

|  |  |
| --- | --- |
| UBND QUẬN SƠN TRÀ**TRƯỜNG THCS LÝ TỰ TRỌNG** | **NỘI DUNG KIẾN THỨC MÔN VẬT LÝ 6** |
| Họ và tên HS: .............................................. | Lớp 6/... |

TUẦN: 29

TIẾT: 28

BÀI 26+27: SỰ BAY HƠI VÀ SỰ NGƯNG TỤ

I. NỘI DUNG KIẾN THỨC BÀI HỌC

- Sự chuyển từ thể lỏng sang thể hơi gọi là sự bay hơi. Sự chuyển từ thể hơi sang thể lỏng gọi là sự ngưng tụ.

- Tốc độ bay hơi của một chất lỏng phụ thuộc vào nhiệt độ, gió và diện tích mặt thoáng của chất lỏng .

II. BÀI TẬP

1.Bài tập vận dụng sách giáo khoa:

C9/sgk trang 82: Để giảm bớt sự bay hơi làm cây ít bị mất nước.

*C10/sgk trang 82*: Nắng nóng và có gió.

C7/sgk trang 84: Hơi nước trong không khí ban đêm gặp lạnh ngưng tụ thành các giọt sương đọng trên lá cây.

*C8/sgk trang84*: Trong chai đựng rượu đồng thời xảy ra hai hai quá trình bay hơi và ngưng tụ .Vì chai được đậy kín nên có bao nhiêu rượu bay hơi thì cũng có bấy nhiêu rượu ngưng tụ do đó mà lượng rượu không giảm. Với chai để hở miệng ( không đậy nút ) quá trình bay hơi mạnh hơn ngưng tụ nên rượu cạn dần.

................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................. ............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................ ............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................ .......................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................2.Dặn dò :

- Học bài phần ghi nhớ

- Làm bài tập :26-27.1- 26-27.6/SBT

- Xem lại các bài đã học để tiết sau ôn tập.

III. TRAO ĐỔI, PHẢN HỒI VỀ KIẾN THỨC BÀI HỌC CỦA HỌC SINH

............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................